

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO
TẠI ĐÀ NẴNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 73/2023/HC-PT

Ngày: 23-02- 2023

V/v: “*Kiến quyết định hành
chính, hành vi hành chính trong
lĩnh vực quản lý đất đai và bồi
thường thiệt hại*”.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Trương Minh Tuấn**

Các Thẩm phán: Ông **Nguyễn Văn Tào**

Ông **Lê Phước Thanh**

- Thư ký phiên tòa: Ông **Phạm Minh Hoàng**, Thư ký Tòa án - Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Ông **Nguyễn Thế Vinh**, Kiểm sát viên.

Vào ngày 23 tháng 02 năm 2023, tại điểm cầu trung tâm: Trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng và điểm cầu thành phần: Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi (cơ sở tạm tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện S), Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng xét xử phúc thẩm công khai bằng hình thức trực tuyến vụ án hành chính thụ lý số: 229/2022/TLPT-HC ngày 20 tháng 10 năm 2022 về việc “*Kiến Quyết định hành chính, hành vi hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai và bồi thường thiệt hại*”. Do Bản án hành chính sơ thẩm số 24/2022/HC-ST ngày 08/8/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 658/2022/QĐ-PT ngày 02 tháng 02 năm 2023, giữa các đương sự:

1. Người khởi kiện: Ông Huỳnh Quang T, sinh năm 1980, có mặt;

Địa chỉ: Đội 4, thôn H, xã T1, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi.

2. Người bị kiện:

2.1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân (UBND) xã T1, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Huỳnh M và ông Nguyễn Văn Đ – cán bộ địa chính. Ông M vắng mặt, ông Đ có mặt.

2.2. UBND xã T1, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Đào Dương M - Chủ tịch UBND xã T1, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi; có mặt.

Cùng địa chỉ: Xã T1, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi.

2.3. Chủ tịch UBND thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi.

- Người đại diện theo ủy quyền của Chủ tịch UBND thành phố Q: Ông Nguyễn L - Phó Chủ tịch; có đơn xét xử vắng mặt.

Địa chỉ: thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi.

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Chủ tịch UBND thành phố Q: Ông Phạm Văn T - Phó Trưởng phòng Phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi; có mặt.

Địa chỉ: thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Bà Trương Thị N, sinh năm 1934.

3.2. Bà Võ Thị Thu H, sinh năm 1986.

3.3. Bà Huỳnh Thị Đ, sinh năm 1964.

3.4. Bà Huỳnh Thị T, sinh năm 1967.

3.5. Ông Huỳnh Văn Đ, sinh năm 1974.

Cùng địa chỉ: Đội 4, thôn H, xã T1, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi; đều vắng mặt.

3.6. Bà Huỳnh Thị P, sinh năm 1977, vắng mặt.

Địa chỉ: xã T1, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi.

3.7. Bà Huỳnh Thị S, sinh năm 1971, vắng mặt.

Địa chỉ: thành phố Q.

Người đại diện theo ủy quyền của các bà N, H, Đ, T, P, S và ông Đ: Ông Huỳnh Quang T, sinh năm 1980, có mặt.

3.8. Ông Trần N, sinh năm 1930, có đơn xin xét xử vắng mặt.

3.9. Ông Nguyễn Tấn C, sinh năm 1937, có đơn xin xét xử vắng mặt .

3.10. Ông Nguyễn Hữu L, sinh năm 1971, có mặt.

3.11. Ông Huỳnh C, sinh năm 1941, vắng mặt.

3.12. Ông Nguyễn D, sinh năm 1962, vắng mặt.

3.13. Ông Nguyễn T Đ, vắng mặt.

3.14. Ông Huỳnh T T, vắng mặt.

3.15. Ông Nguyễn Ngọc A, vắng mặt.

3.16. Ông Nguyễn Hữu T, vắng mặt.

3.17. Ông Đỗ N, vắng mặt.

Cùng địa chỉ: Đội 4, thôn H, xã T1, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi.

Do có kháng cáo của người khởi kiện.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** T đơn khởi kiện ghi ngày 11/6/2021, đơn khởi kiện sửa đổi, bổ sung ngày 05/11/2021, trong quá trình tham gia tố tụng và tại phiên tòa, người khởi kiện ông Huỳnh Quang T trình bày:*

Nguyên gia đình ông có khai hoang một số diện tích đất tại núi C từ sau năm 1975 để trồng trọt hoa màu, cải thiện cuộc sống (trên thực tế Nhà nước không quản lý diện tích đất này).

Đến ngày 26/10/2009, UBND tỉnh Quảng Ngãi có Quyết định số 1622/QĐ-UBND, cho phép Công ty Cổ phần đầu tư Khoáng sản Quảng Ngãi khai thác làm vật liệu san lấp tại vị trí diện tích đất gia đình ông và các hộ dân đã khai hoang từ sau năm 1975. Sau khi kết thúc việc khai thác đất, gia đình ông và các hộ dân đã tiến hành trồng trọt, canh tác lại trên diện tích đất này; đến năm 2013 ông có nhận chuyển nhượng thêm diện tích đất để canh tác, sản xuất của một số hộ dân như: Nguyễn Hữu L, Huỳnh T T, Nguyễn T Đ, Nguyễn D, Huỳnh C (việc chuyển nhượng bằng giấy viết tay).

Ngày 04/11/2014, ông Bùi Kim P - Chủ tịch UBND xã T1 Ban hành Thông báo kết luận số 94/TB-UBND không đồng ý việc gia đình ông và các hộ dân tiến hành trồng bạch đàn, keo trên diện tích đất này với lý do diện tích đất gia đình

ông và các hộ dân khai hoang từ sau năm 1975 tại núi C và núi S, xã T1 thuộc đất nhà nước quản lý.

Không đồng ý Thông báo kết luận số 94/TB-UBND ngày 04/11/2014 của Chủ tịch UBND xã T1 nên ngày 20/11/2014, ông có đơn khiếu nại gửi đến UBND thành phố Q, yêu cầu UBND xã T1 trả lại đất sản xuất tại đồi núi C thuộc xã T1, thành phố Q cho gia đình ông (ngày 14/11/2014 cha ông là ông Huỳnh K và các hộ dân như Nguyễn Hữu L, Huỳnh Quang T, Nguyễn Tấn C, Nguyễn Hữu T, Nguyễn Thị V, Nguyễn Ngọc A... cũng có đơn yêu cầu gửi đến Phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố, UBND xã T1 để yêu cầu giải quyết).

Ngày 28/11/2014, UBND thành phố Q có Công văn số 4033/UBND chỉ đạo UBND xã T1 kiểm tra, xem xét và xử lý đơn đề ngày 20/11/2014 của ông theo quy định. Quá trình xem xét, UBND xã T1 đã tiến hành kiểm tra, đo đạc diện tích đất theo thực tế các hộ dân đang sử dụng; kết quả đo đạc đã được ông Trương Quang X, Công chức T pháp - Hộ tịch của xã lúc đó mang đến tận gia đình ông và các hộ dân có đất đang canh tác như Huỳnh T T, Huỳnh Quang T, Nguyễn Ngọc A, Nguyễn Hữu T ký xác nhận (có xác nhận cụ thể của các hộ dân). Dựa trên kết quả đo đạc này, gia đình ông được tiếp tục canh tác, trồng cây trên diện tích đất mà gia đình đã khai hoang từ sau năm 1975 và diện tích đất đã nhận chuyển nhượng của các hộ dân năm 2013.

Tuy nhiên đến ngày 28/6/2018, UBND xã đã tiến hành đo đạc, cắm lại mốc giới đất để bàn giao cho các hộ dân khác sử dụng cả phần diện tích đất của gia đình ông đang sử dụng ổn định nêu trên, xâm phạm nghiêm trọng quyền sử dụng đất và tài sản có trên đất của gia đình ông (khi được bàn giao, các hộ dân đã đốn hạ toàn bộ cây cối đang trồng trên đất của gia đình ông); cụ thể: UBND xã T1 đã giao cho các hộ dân sau: hộ ông Trần N: 658m², hộ ông Nguyễn Tấn C và hộ ông Nguyễn Hữu L: 1283m², hộ ông Huỳnh C và hộ ông Nguyễn D 420m² (hộ ông C, D đã đồng ý trả lại đất cho gia đình tôi).

Quyết định giải quyết khiếu nại lần đầu số 104/QĐ-UBND ngày 08/6/2020 của Chủ tịch UBND xã T1 và Quyết định giải quyết khiếu nại lần hai số 949/QĐ-UBND ngày 15/3/2021 của Chủ tịch UBND thành phố Quảng Ngãi đều cố tình bỏ qua, không làm rõ sự việc: sau khi UBND thành phố có ý kiến chỉ đạo tại Công văn số 4033/UBND ngày 28/11/2014, UBND xã T1 đã tiến hành kiểm tra, đo đạc diện tích đất theo thực tế các hộ dân đang sử dụng và kết quả đo đạc thực tế đã được ông Trương Quang X - Công chức T pháp - Hộ tịch xã lúc đó mang đến tận gia đình ông và các hộ dân có đất đang canh tác như Huỳnh T T, Huỳnh Quang T, Nguyễn Ngọc A, Nguyễn Hữu T ký xác nhận. Dựa trên kết quả đo đạc cụ thể này, gia đình ông được tiếp tục canh tác, trồng cây trên diện tích đất mà gia đình đã khai hoang từ sau năm 1975 và diện tích đất đã nhận chuyển nhượng của các hộ dân năm 2013 cho đến nay.

Đối với ông Nguyễn T Đ, ông Nguyễn Ngọc A: Năm 2013, ông nhận chuyển nhượng của ông Nguyễn T Đ diện tích 1.369,29m² và của ông Nguyễn Ngọc A phần diện tích đồn điền đổi thửa để sản xuất, sử dụng, các diện tích đất liền kề núi Miếu; thời điểm UBND xã T1 tiến hành đo đạc, cắm lại mốc giới ngày 28/6/2018, ông vẫn sử dụng, trồng keo trên các diện tích đất này và không tranh chấp với ai.

Đối với ông Huỳnh T T: Thời điểm UBND xã T1 tiến hành đo đạc, cắm lại mốc giới ngày 28/6/2018 để bàn giao cho các hộ dân khác sử dụng, UBND xã đã bàn giao cả phần diện tích đất ông T chuyển nhượng cho ông vào năm 2013, thuộc một phần diện tích của sổ thửa liền kề LNK 1/1233.37m², hiện nay ông T đã được Nhà nước cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Đối với ông Đỗ N, ông Nguyễn Hữu T: Theo giấy bán đất ngày 06/5/2013, ông có mua của các ông sau: Nguyễn Tấn C; Huỳnh Quang T; Trần N; Đỗ Tấn Sơn; Nguyễn Hữu T; Nguyễn Hữu L; Huỳnh C; Huỳnh T T; Nguyễn T Đ. Thời điểm có đơn khiếu nại ngày 20/10/2014, các ông Huỳnh Quang T, Đỗ Tấn Sơn và ông Trần N đã trả lại tiền bán đất cho ông. Do đó, ông Huỳnh Quang T và ông Đỗ Tấn Sơn không còn liên quan gì trong vụ án này, riêng ông Trần N thì năm 2018 UBND xã có chia đất của gia đình ông cho ông N (đất của ông N trước đây không ở vị trí này). Đối với ông Nguyễn Hữu T và ông Nguyễn Tấn C (hai cha con) thì hai ông có bán đất cho ông theo giấy chuyển nhượng ngày 16/5/2013 và sau đó hai ông này cũng nhận lại đất sản xuất năm 2014. Tuy nhiên, ông Nguyễn Hữu T lúc bấy giờ có đại diện cho cha mình để nhận sản xuất luân, thì ông Nguyễn Hữu T có kết hợp với các hộ dân để đồn điền đổi thửa (ông Nguyễn Hữu T, Huỳnh Quang T, Huỳnh Quang T đồn điền đổi thửa). Điều đặc biệt thêm lúc bấy giờ đồn điền đổi thửa thì ông Nguyễn Hữu T cũng là người làm ranh giới và trồng cây cho ông. Ông Nguyễn Hữu T cũng có xác nhận ranh giới ngày 10/3/2018 nên ông đề nghị Tòa án đưa ông Nguyễn Hữu T vào tham gia tố tụng trong vụ án này với tư cách là người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan. Mặt khác, năm 2018 UBND xã T1 đã lấy ý kiến của nhân dân về việc chia lại đất, chia lại cả diện tích đất đã được phân chia cho các hộ dân năm 2014 trong đó ông Đỗ N được chia diện tích 1.557m², trong phần đất của ông Đỗ N được chia có một phần đất của ông Huỳnh T T chuyển nhượng cho ông năm 2013.

Về các thiệt hại do hành vi hành chính trái pháp luật ngày 28/6/2018 của UBND xã T1 gây ra cho ông là 153.000.000đ (một trăm năm mươi ba triệu đồng), bao gồm:

- Giá trị quyền sử dụng đất đã chia cho hộ ông Trần N với diện tích 658m² và chia cho hộ ông Nguyễn Tấn C, hộ ông Nguyễn Hữu L với diện tích 1.283m² cộng với giá trị số cây bị đốn hạ đã trồng 5 năm (2013-2018) trên diện tích đất 658m² + 1.283m² = 1.941m² là 96.000.000đ (tính mật độ cây trồng bình quân

$1.000m^2 = 650$ cây; kích cỡ đường kính của cây bình quân 80cm, giá mỗi cây 80.000đ, thì gia đình ông đã bị thiệt hại: 1200 cây (đã làm tròn số) x 80.000đ/cây = 96.000.000đ).

- Việc không sản xuất được trên diện đất đã bị bàn giao cho người khác từ năm 2018 đến năm 2021 là 57.000.000đ.

Từ những lý do trên, ông Huỳnh Quang T yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Tuyên bố hành vi hành chính của UBND xã T1 ngày 28/6/2018 về việc tiến hành đo đạc, cắm lại mốc giới đất để bàn giao cho các hộ dân sử dụng đất tại núi C, bao gồm cả diện tích đất gia đình ông Huỳnh Quang T đã khai hoang từ sau năm 1975 và diện tích đất ông Huỳnh Quang T nhận chuyển nhượng của các hộ dân năm 2013 là trái pháp luật.

- Hủy Quyết định số 104/QĐ-UBND ngày 08/6/2020 của Chủ tịch UBND xã T1 về việc giải quyết khiếu nại của ông Huỳnh Quang T, thường trú tại thôn H, xã T1, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi.

- Hủy Quyết định số 949/QĐ-UBND ngày 15/3/2021 của Chủ tịch UBND thành phố Quảng Ngãi về việc giải quyết khiếu nại lần hai của ông Huỳnh Quang T (địa chỉ: Đội 4, thôn H, xã T1, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi).

- Buộc UBND xã T1 phải bồi thường thiệt hại cho ông Huỳnh Quang T số tiền 153.000.000 đ (Một trăm năm mươi ba triệu đồng) do hành vi hành chính trái pháp luật gây ra ngày 28/6/2018.

** T Văn bản số 34/UBND ngày 07/4/2022 của UBND xã T1 và tại phiên tòa sơ thẩm, ông Đào Dương M - Chủ tịch UBND xã T1, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi trình bày:*

Về nguồn gốc đất: Ông Huỳnh K là cha ruột của ông Huỳnh Quang T khai hoang, sử dụng diện tích đất ở núi C, đến năm 2009 thì Công ty cổ phần Đầu tư Khoáng sản Quảng Ngãi được UBND tỉnh Quảng Ngãi thống nhất cho phép khai thác, Công ty phối hợp cùng UBND xã T1 tiến hành đo đạc theo hiện trạng sử dụng đất của từng hộ, lập hồ sơ kiểm kê đền bù và hỗ trợ. Trong đó hộ ông Huỳnh K sử dụng 02 thửa đất số 05 và số 06 với diện tích 795,5m² (có bản đồ đo vẽ thửa đất và bảng kê đền bù kèm theo của từng hộ). Công ty tiến hành khai thác đến năm 2013 khai thác xong. Năm 2014 có một số hộ dân đem cây keo lên trồng lại tại trí đất của các hộ trong đó có ông Huỳnh Quang T đem keo trồng trên vị trí đất của cha ông là ông Huỳnh K. Ngày 31/10/2014, UBND xã làm việc với các hộ dân trồng cây trên đất nhà nước quản lý, UBND xã ra Thông báo số 94/TB-UBND ngày 04/11/2014 yêu cầu các hộ không được trồng keo trên đất Nhà nước quản lý tại núi C, cuối năm 2014 các hộ có đất tại núi C khiếu nại Thông báo số 94/TB-UBND ngày 04/11/2014, UBND xã mời các hộ dân có đất tại núi C để họp giải quyết, UBND xã cần phải xác định lại nguồn gốc đất rẫy thuộc đất khai hoang để chia lại đất.

Ngày 29/3/2018, UBND xã T1 tổ chức cuộc họp mời các hộ dân có đất tại núi C để họp giải quyết, tại buổi họp UBND xã T1 thống nhất kiểm tra xác minh chia lại đất cho các hộ dân có đất trong phương án đền bù theo quy định. Ngày 28/6/2018, UBND xã mời các hộ dân đến tại hiện trường để nhận đất chia lại cho các hộ dân và các hộ đã thống nhất nhận đất sau khi chia lại, trong đó hộ ông Huỳnh K chia lại 765m² có con là Huỳnh Quang T đi nhận diện tích chênh lệch giảm 30,5m² là mất theo tỷ lệ hao hụt, ông Huỳnh Quang T đã nhận diện tích đất đã giao cùng với các hộ chia lại đất tại núi C (Chỉ có sơ đồ thể hiện vị trí và diện tích đất chia đất của từng hộ).

Ông Huỳnh Quang T cho rằng UBND xã T1 hợp thức hóa đất của gia đình ông chia cho các hộ dân khác dẫn đến việc các hộ dân đến hạ cây cối đang trồng trên đất của gia đình ông gây thiệt hại về kinh tế, đồng thời yêu cầu khắc phục bồi thường cho gia đình ông là không đúng thực tế. Qua kiểm tra hồ sơ địa chính, nguồn gốc đất của các hộ dân sử dụng, đối chiếu với các giấy tờ về đền bù cây cối hoa màu, hỗ trợ tiền đất cho các hộ và gia đình ông Huỳnh K thì hộ ông Huỳnh K sử dụng 2 thửa đất tại núi C tổng diện tích 795,5m², UBND xã họp các hộ dân có đất tại núi C để giải quyết và thống nhất chia lại đất cho các hộ. Ngày 28/6/2018, UBND xã T1 chia lại đất cho các hộ có tên trong hồ sơ đền bù trong đó gia đình ông Huỳnh K cha ông Huỳnh Quang T chia lại 765m² diện tích chênh lệch giảm 30,5m², diện tích giảm là theo tỷ lệ hao hụt là theo đúng quy định.

Việc ông Huỳnh Quang T tranh chấp đất với các hộ mà ông cho rằng ông đã mua sau khi khai thác xong, UBND xã đã tổ chức hòa giải tranh chấp đất giữa ông với các hộ dân nhưng không thành. UBND xã hướng dẫn tiếp theo để được giải quyết theo quy định.

** T Văn bản số 5371/UBND-NC ngày 16/12/20212 của Chủ tịch UBND thành phố Q và tại phiên tòa sơ thẩm, ông Phạm Văn T là người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Chủ tịch UBND thành phố Q trình bày:*

Nội dung khiếu nại lần hai và yêu cầu giải quyết của ông Huỳnh Quang T:

Theo đơn đề ngày 16/6/2020 của ông Huỳnh Quang T và được khẳng định lại tại các biên bản làm việc với Cơ quan UBKT - T tra thành phố vào các ngày 02/7/2020, 25/11/2020, ông Huỳnh Quang T vẫn tiếp tục khiếu nại đối với hành vi của UBND xã T1 hợp thức hóa giấy tờ, cụ thể là biên bản đề ngày 28/6/2018 đề đo đạc, cắm mốc ranh giới để chia đất, bàn giao mặt bằng không đúng thực tế nên đã xâm phạm trực tiếp quyền, lợi ích hợp pháp của gia đình ông Huỳnh K và của cá nhân ông. Yêu cầu hủy Quyết định số 104/QĐ-UBND ngày 08/6/2020 của Chủ tịch UBND xã T1 về việc giải quyết khiếu nại của ông, cụ thể:

Nguyên đất mà ông khiếu nại là đất đồi núi C (Gò Chùa), do cha ông là ông Huỳnh K (chết ngày 24/6/2020), địa chỉ: đội 4, thôn H, xã T1, thành phố Q, khai

hoang sử dụng vào năm 1975. Năm 2009, UBND tỉnh cho phép Công ty Cổ phần Đầu tư khoáng sản Quảng Ngãi khai thác diện tích đất đồi núi C để làm vật liệu san lấp; để khai thác, Công ty có hỗ trợ đất (30%), tài sản (100%), thời điểm này ông Huỳnh K và các hộ dân khác được hỗ trợ tiền khai thác đất, cây cối hoa màu và cha ông đã nhận tiền hỗ trợ với diện tích đất 794,5m². Đến năm 2013, Công ty Cổ phần Đầu tư khoáng sản Quảng Ngãi khai thác đất xong, cha ông và các hộ dân khác tiếp tục trồng cây, sản xuất lại trên vị trí đất đã sản xuất và cá nhân ông có nhận chuyển nhượng thêm đất của 09 hộ dân khác, có giấy bán đất ngày 06/5/2013 (không được cơ quan có thẩm quyền xác nhận). Ngày 01/11/2014, UBND xã T1 có Thông báo số 94/TB-UBND không đồng ý cho gia đình ông và các hộ dân khác trồng cây. Ông có đơn khiếu nại, được Chủ tịch UBND thành phố ban hành Công văn số 4033/UBND ngày 28/11/2014 chỉ đạo UBND xã T1 xem xét trả lại đất sản xuất cho gia đình ông. Sau đó, UBND xã có tiến hành kiểm tra, đo đạc đất thực tế sử dụng. Kết quả đo đạc được ông Trương Quang X, công chức T pháp - Hộ tịch xã mang đến tận gia đình ông và các hộ khác ký xác nhận. Gia đình ông được canh tác, sản xuất trên diện tích đã khai hoang từ năm 1975 và trên phần đất đã nhận chuyển nhượng của các hộ năm 2013.

Ngày 28/6/2018, UBND xã có đo đạc, cắm mốc giới bàn giao cho các hộ dân khác cả phần diện tích đất của gia đình ông đang sử dụng ổn định, chặt phá cây cối, gây thiệt hại kinh tế của gia đình ông.

Diễn biến phát sinh và kết quả giải quyết khiếu nại lần đầu:

Ngày 26/10/2009, Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ngãi ban hành Quyết định số 1662/QĐ-UBND về việc cho phép Công ty Cổ phần Đầu tư khoáng sản Quảng Ngãi khai thác đất đồi làm vật liệu san lấp tại xã T1, huyện S (nay là xã T1 thuộc thành phố Q), khu vực khai thác tại núi C thuộc địa phận thôn H, xã T1. Để thực hiện việc khai thác, Công ty tiến hành đo đạc diện tích đất, lập phương án kiểm kê, hỗ trợ cho các hộ dân đang sản xuất trên đồi núi C, trong đó, ông Huỳnh K (cha của ông Huỳnh Quang T) đang sử dụng và được xem xét hỗ trợ đất và tài sản có trên diện tích đất, với diện tích hỗ trợ 795,5m². Công ty tiến hành thực hiện khai thác xong vào năm 2013, sau đó các hộ dân tiếp tục trồng cây keo tại vị trí đất của các hộ sản xuất trước đây, có ông Huỳnh Quang T trồng cây keo tại vị trí đất của ông Huỳnh K.

Ngày 12/11/2013, ông Huỳnh K ủy quyền cho con trai là ông Huỳnh Quang T, nội dung ủy quyền: “*Toàn quyền nhận giải quyết đất sau khi khai thác đất đồi tại núi C thuộc thôn H*”, được UBND xã T1 xác nhận vào ngày 14/11/2013. Ngày 26/11/2013, ông Huỳnh Quang T có đơn kiến nghị trả lại diện tích đất đồi của gia đình ông sau khi đã khai thác đất đồi xong, được Chủ tịch UBND xã T1 ban hành Công văn số 89/UBND ngày 14/10/2014 trả lời đơn. Ngày 20/10/2014, ông Huỳnh Quang T tiếp tục có đơn khiếu nại về việc UBND

xã T1 chưa trả lại đất cho gia đình ông. Ngày 31/10/2014, UBND xã T1 tiến hành làm việc với các hộ dân trồng cây trên đất do nhà nước quản lý ở núi C và núi S và UBND xã ban hành Thông báo số 94/TB-UBND ngày 04/11/2014 cho rằng diện tích đất tại núi C và núi S là đất do UBND xã quản lý, chưa giao cho hộ gia đình, cá nhân và yêu cầu các hộ gia đình, cá nhân có trách nhiệm thu dọn giao lại đất cho UBND xã quản lý. Ngày 14/11/2014, ông Huỳnh K có đơn gửi đến Chủ tịch UBND xã T1 khiếu nại đối với Thông báo số 94/TB-UBND ngày 04/11/2014 của UBND xã T1 và ngày 20/11/2014, ông Huỳnh Quang T có đơn gửi UBND thành phố khiếu nại việc UBND xã T1 chưa trả lại đất sản xuất tại đồi núi C cho gia đình ông (đơn của ông T được Chủ tịch UBND thành phố chỉ đạo UBND xã T1 xem xét giải quyết tại Công văn số 4033/UBND ngày 28/11/2014).

Ngày 31/12/2014, 29/3/2018, 24/5/2018, UBND xã T1 tổ chức làm việc với các hộ dân có diện tích đất tại núi C, cuộc họp có ông Huỳnh Quang T tham dự, để giải quyết khiếu nại của các hộ dân đối với Thông báo số 94/TB-UBND ngày 04/11/2014 của Chủ tịch UBND xã và giải quyết yêu cầu chia lại đất cho các hộ dân sản xuất. T các cuộc họp, UBND xã kết luận thống nhất chia lại đất cho nhân dân sản xuất, khi chia thì diện tích đất có thể tăng hoặc thấp hơn diện tích ban đầu và vị trí thửa đất cũng có thể thay đổi và giao cho bộ phận địa chính xã T1ham mưu đo đạc lại diện tích đồi núi C và có kế hoạch chia đất lại cho nhân dân sản xuất. Ngày 19/11/2018, 11/3/2019, 17/9/2019, UBND xã T1 ban hành các Công văn số: 134/UBND, 18/UBND, 92/UBND trả lời đơn cho ông Huỳnh Quang T, có nội dung như sau: “...Ngày 29/3/2018, UBND xã T1 tổ chức cuộc họp mời các hộ dân có đất núi C, tại cuộc họp UBND xã T1 thống nhất việc chia lại đất tại núi C cho các hộ dân sản xuất. Ngày 28/6/2018, UBND xã mời các hộ dân có đất tại núi C có đất để nhận mặt bằng, tiến hành đo đạc và nhận mốc giới trong đó có đất ông Huỳnh K (cha của ông Huỳnh Quang T). Ông Huỳnh K (cha của ông Huỳnh Quang T) sử dụng 02 thửa đất tại núi C tổng diện tích 795,5m², gia đình đã nhận tiền bồi thường về cây cối, hoa màu, hỗ trợ tiền đất sau khi khai thác đất đồi cải tạo xong, đến tháng 6 năm 2018 chia lại cho gia đình ông 765m², diện tích chênh lệch giảm 30,5m² là mất theo tỷ lệ hao hụt, ông Huỳnh Quang T đã nhận đủ diện tích đất đã giao cho ông, còn việc ông Huỳnh Quang T nhận chuyển nhượng đất của các hộ dân khi các hộ dân không thống nhất vì giấy tờ nhận chuyển nhượng của ông T không có cơ sở pháp lý.

Sau khi giao lại đất cho các hộ dân sản xuất trong đó có hộ ông Trần N, Nguyễn Tấn C, các hộ tiến hành chôn cột mốc, ranh giới thửa đất thì ông Huỳnh Quang T phá bỏ cột mốc, cản trở. Ngày 30/10/2018, UBND xã T1 tổ chức hòa giải việc tranh chấp đất giữa ông Trần N với ông Huỳnh Quang T, trong lúc Hội đồng hòa giải của UBND xã T1ham gia phân tích, góp ý thì ông Huỳnh Quang T tự ý bỏ về, không nói rõ lý do, thể hiện sự không tôn trọng, không hợp tác để

giải quyết vụ việc (UBND xã có Công văn số 113/UBND ngày 18/10/2018 về việc trả lời đơn yêu cầu của ông Huỳnh Quang T, ở đội 4, thôn H, xã T1).

Ông Huỳnh Quang T khiếu nại cho rằng diện tích đất sau khi khai thác xong thì ông đã nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất của các hộ dân, rồi trồng cây, tại sao UBND xã chia lại đất nhưng không chia cho gia đình ông, mà lại chia cho người sử dụng đất có tên trong phương án khai thác đất đồi, vì UBND xã không công nhận việc viết giấy chuyển nhượng giữa ông và các hộ dân vì không có cơ sở pháp lý để giải quyết, UBND xã đã giải thích cho ông, sau khi UBND xã chia đất lại cho các hộ dân, ông có trách nhiệm trao đổi và làm việc với các hộ dân mà ông nhận chuyển nhượng, UBND xã T1 chia lại đất cho những hộ dân có đất trong phương án đền bù sau khi khai thác xong là đúng theo định.

Không đồng ý với việc trả lời đơn của UBND xã T1, ông Huỳnh Quang T liên tục có đơn khiếu nại gửi đến UBND thành phố và đăng ký tiếp dân thành phố, với nội dung khiếu nại hành vi hành chính của UBND xã T1 hợp thức hóa đất của gia đình ông để chia cho các hộ dân khác dẫn đến các hộ dân đốn hạ cây cối đang trồng trên đất của gia đình ông gây thiệt hại kinh tế, đồng thời yêu cầu khắc phục, bồi thường cho gia đình ông, được Chủ tịch UBND thành phố ban hành các Công văn số: 5255/UBND-TCĐ ngày 01/10/2019 (chỉ đạo giải quyết đơn ngày 23/9/2019); số 5247/TB-UBND ngày 08/11/2019 (chỉ đạo giải quyết nội dung đăng ký tiếp công dân ngày 05/11/2019); số 449/UBND-TCĐ ngày 12/02/2020 (chỉ đạo giải quyết đơn ngày 03/02/2020) yêu cầu UBND xã T1 xem xét giải quyết theo quy định. Trên cơ sở chỉ đạo của Chủ tịch UBND thành phố, Chủ tịch UBND xã T1 ban hành Thông báo số 23/TB-UBND ngày 09/3/2020 về việc thụ lý giải quyết đơn khiếu nại lần đầu và Quyết định số 40/QĐ-UBND ngày 10/3/2020 về việc thành lập tổ xác minh nguồn gốc, quá trình sử dụng đất tại núi C chia lại cho các hộ dân để giải quyết theo nội dung đơn khiếu nại đề ngày 03/02/2020 của ông Huỳnh Quang T. Ngày 20/4/2020, Tổ xác minh của UBND xã T1 làm việc với ông Trần N, ông Huỳnh Văn D là những người có đất tại núi C, cho biết: “ Công ty Cổ phần Đầu tư Khoáng sản Quảng Ngãi đi vào khai thác từ năm 2010 đến năm 2013, khai thác xong UBND xã T1 thông báo cho các hộ không được trồng keo trên đất Nhà nước quản lý tại núi C và cũng trong năm 2014 có một số hộ dân trồng cây keo lại tại vị trí đất của các hộ, có ông Huỳnh Quang T trồng cây trên vị trí đất của cha ông và trồng xâm chiếm đất liền kề (việc ông Huỳnh Quang T có mua đất của các hộ không thì tôi không biết), cuối năm 2014 các hộ có đất tại núi C khiếu nại chia lại đất cho các hộ sử dụng sau khi khai thác xong và UBND xã có mời các hộ dân có đất để họp giải quyết.

Đến năm 2018, UBND xã T1 tổ chức mời các hộ dân có đất tại núi C để họp giải quyết và tại buổi họp, UBND xã T1 thông nhất chia lại đất cho các hộ có trong phương án hỗ trợ và đã được các hộ thống nhất. Ngày 28/6/2018, UBND

xã mời các hộ dân đến hiện trường để nhận đất chia lại cho các hộ dân và các hộ đã thống nhất nhận đất sau khi chia lại, trong đó có hộ ông Huỳnh K có con trai là ông Huỳnh Quang T đi nhận. Hôm sau ông Huỳnh Quang T nhờ trụ của các hộ đã chôn ngày hôm trước, trên vị trí đất chia lại cho các hộ có cây keo của ông Huỳnh Quang T đã xâm chiếm trồng trước đó gồm có hộ ông Trần N, Nguyễn Tấn C, Nguyễn Hữu T, các hộ có đất chia lại có cây của ông Huỳnh Quang T thì các bên tự thỏa thuận thương lượng, nhưng các bên không thỏa thuận được, nên các hộ đốn cây để sử dụng đất, các hộ khác sử dụng ổn định từ đó cho đến nay”.

Căn cứ kết quả xác minh tại Báo cáo số 46/BC-UBND ngày 02/6/2020 của Tổ xác minh và kết quả đối thoại với ông Huỳnh Quang T vào ngày 04/6/2020, Chủ tịch UBND xã T1 ban hành Quyết định số 104/QĐ UBND ngày 08/6/2020 giải quyết khiếu nại, theo đó không công nhận toàn bộ nội dung khiếu nại của ông Huỳnh Quang T.

Việc giải quyết khiếu nại lần hai:

Việc ông Huỳnh Quang T khiếu nại cho rằng UBND xã T1 hợp thức hóa giấy tờ, cụ thể là biên bản đo ngày 28/6/2018, để đo đạc, cắm mốc ranh giới để chia đất, bàn giao mặt bằng không đúng thực tế, nên đã xâm phạm trực tiếp quyền, lợi ích hợp pháp của gia đình ông Huỳnh K và của cá nhân ông, là không có cơ sở, vì:

Không có hồ sơ hay biên bản ngày 28/6/2018 để thể hiện UBND xã T1 hợp thức hóa giấy tờ, với mục đích đo đạc, cắm mốc ranh giới chia đất, bàn giao mặt bằng không đúng thực tế cho các hộ dân đang sử dụng đất ở núi C.

Năm 2009, Công ty Cổ phần đầu tư khoáng sản Quảng Ngãi được UBND tỉnh Quảng Ngãi thống nhất cho phép khai thác đất đồi làm vật liệu san lấp tại xã T1, huyện S, khu vực khai thác tại núi C thuộc địa phận thôn H, xã T1. Để khai thác, UBND xã T1, Công ty Cổ phần đầu tư khoáng sản Quảng Ngãi mời các hộ dân có đất, tiến hành đo đạc xác định diện tích đất đang sử dụng của từng hộ, trong đó ông Huỳnh K quản lý, sử dụng 02 thửa đất, với tổng diện tích 795,5m², loại đất: LNK (gồm: thửa số 6, diện tích 169m² và thửa số 8, diện tích 625,5m², cùng tờ bản đồ số 11) và các hộ: ông Huỳnh Quang T quản lý, sử dụng thửa đất số 13, diện tích 572,5m², loại đất LNK, tờ bản đồ số 11; ông Huỳnh X quản lý, sử dụng thửa đất số 11, diện tích 568,8m², loại đất LNK, tờ bản đồ số 11; ông Huỳnh T T quản lý, sử dụng thửa đất số 1, diện tích 1.233,37m², loại đất LNK, tờ bản đồ số 11; ông Đỗ Tấn S quản lý, sử dụng thửa đất số 9, diện tích 340,62m², loại đất LNK, tờ bản đồ số 11; ông Lý Hồng T quản lý, sử dụng thửa đất số 12, diện tích 2.541,35m², loại đất LNK, tờ bản đồ số 11; ... Năm 2018, UBND xã T1 khảo sát, xác định lại diện tích đất sử dụng thực tế để chia lại cho các hộ sản xuất, cụ thể: Ông Huỳnh K (cha ông Huỳnh Quang T) quản lý, sử dụng diện tích 765m²/795,5m² (chênh lệch giảm 30,5m²) và các hộ dân khác khi

xác định lại cũng đều chênh lệch giảm, có trường hợp giảm nhiều hơn hộ ông Huỳnh K, như: ông Huỳnh Quang T quản lý, sử dụng diện tích $516\text{m}^2/572,5\text{m}^2$ (chênh lệch giảm $56,5\text{m}^2$); ông Huỳnh X quản lý, sử dụng diện tích $508\text{m}^2/568,8\text{m}^2$ (chênh lệch giảm $60,8\text{m}^2$); ông Huỳnh T T quản lý, sử dụng diện tích $1.163\text{m}^2/1.233,37\text{m}^2$ (chênh lệch giảm $170,37\text{m}^2$); ...nhưng các hộ không khiếu nại gì. Như vậy, diện tích đất ông Huỳnh K giảm $30,5\text{m}^2$ và diện tích đất giảm của các hộ dân khác là hao hụt theo tỷ lệ mất đất, từ đất sườn núi trở thành đất mặt bằng.

Việc ông Huỳnh Quang T căn cứ giấy bán đất ngày 06/5/2013 (không được cơ quan có thẩm quyền xác nhận) của 09 hộ dân để yêu cầu UBND xã T1 phải chia lại đất của 09 hộ dân cho trực tiếp cá nhân ông là không có cơ sở. Nội dung này, UBND xã T1 giải thích, trả lời đơn cho ông Huỳnh Quang T tại các Công văn số: 134/UBND ngày 19/11/2018, số 18/UBND 11/3/2019, số 92/UBND ngày 17/9/2019 là đảm bảo theo quy định pháp luật.

Căn cứ quy định tại Điều 18, Điều 40 Luật Khiếu nại năm 2011, Chủ tịch UBND thành phố Q thụ lý và giải quyết khiếu nại lần hai đối với trường hợp khiếu nại của ông Huỳnh Quang T là đúng thẩm quyền và quy định của pháp luật. Căn cứ pháp lý về nội dung giải quyết khiếu nại đã được nêu cụ thể trong Quyết định số 949/QĐ-UBND ngày 15/3/2021 của Chủ tịch UBND thành phố về việc giải quyết khiếu nại lần hai của ông Huỳnh Quang T. Ông Huỳnh Quang T khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh hủy Quyết định số 949/QĐ-UBND ngày 15/3/2021 của Chủ tịch UBND thành phố là không có căn cứ.

** T bản trình bày ý kiến ngày 12/4/2022, ông Nguyễn D trình bày:*

Nguyên trước đây ông cũng có đất đồi tại núi C xã T1 như hộ của ông Huỳnh K (cha ông Huỳnh Quang T), sau khi ông giao cho địa phương khai thác đất đồi xong, năm 2018 UBND xã T1 chia lại đất cho ông và nhân dân sản xuất, trong đó ông được chia thửa đất số 27, diện tích $392,5\text{m}^2$, loại đất LNK. Sau khi chia xong, ông giao lại cho ông Huỳnh Quang T sản xuất từ năm 2018 đến nay. Lý do giao là ông đã chuyển nhượng toàn bộ diện tích đất nêu trên cho ông Huỳnh Quang T. Việc ông Huỳnh Quang T khiếu nại, khởi kiện thì ông không có ý kiến thắc mắc gì vì ông đã giao đất cho ông T sản xuất, ông T toàn quyền quyết định. Do điều kiện làm ăn và tuổi cao nên ông đề nghị Tòa án giải quyết, xét xử vắng mặt ông cho đến khi bản án có hiệu lực pháp luật.

** T bản trình bày ý kiến ngày 12/4/2022, ông Huỳnh C trình bày:*

Nguyên trước đây ông có đất đồi tại núi C, xã T1; sau khi ông giao cho địa phương khai thác đất đồi xong, năm 2018 UBND xã T1 chia lại đất cho ông và nhân dân sản xuất, trong đó ông được chia 02 thửa đất gồm: thửa số 26, diện tích 81m^2 , loại đất LNK; thửa đất số 32, diện tích $462,96\text{m}^2$, loại đất LNK. Tuy nhiên, sau khi ông được chia đất xong, thì ông T tự ý chiếm đoạt toàn bộ diện

tích đất trên của ông để sử dụng trồng keo cho đến nay, vì ông T cho rằng ông đã bán đất cho ông T. Trên thực tế, ông có mượn của ông T số tiền 500.000 đồng, ông T lợi dụng việc ông mượn tiền để cho rằng ông bán đất là vô căn cứ. Ông khẳng định từ trước đến nay ông không bán đất cho ông Huỳnh Quang T. Giấy bán đất ghi ngày 06/5/2013 có tên Huỳnh C và chữ ký của ông là không đúng, ông T lợi dụng sự thiếu hiểu biết của ông và các hộ dân để hợp thức giấy tờ. Hơn nữa, Giấy bán đất này không có sổ thửa đất, diện tích, giá tiền chuyển nhượng và chỉ ghi chung chung. Việc UBND xã T1 chia lại đất cho ông sử dụng với diện tích như đã trình bày trên là đúng, ông không đồng ý giao đất cho ông Huỳnh Quang T, đề nghị Tòa án giải quyết các yêu cầu khởi kiện của ông T theo đúng quy định của pháp luật.

** T bản ý kiến giải trình ngày 07/12/2021 và tại phiên tòa, ông Trần N trình bày:*

Vào năm 1970, ông có khai hoang một thửa đất đồi với diện tích khoảng 1000m² tại núi C để trồng mì, mãi đến năm 1975 ông chuyển sang trồng cây bạch đàn. Sau khi UBND xã T1 giao đất cho Công ty 706 khai thác lấy đất làm vật liệu san lấp mặt bằng xong, UBND xã có thông báo cho dân không ai được tự ý canh tác trồng keo trên diện tích mà Công ty 706 giao lại cho UBND xã quản lý, bản thân ông chấp hành không trồng. Lúc đó, ông Huỳnh Quang T tự ý trồng keo hết diện tích không còn khoảng trống nào. Đến năm 2018, những người dân có đất rẫy khai hoang ở Núi Cẩm trong đồi chia đất thì UBND xã và Địa chính xã về chia cho dân, phần diện tích xã chia cho ông thì ông T đã trồng keo. Sau đó ông đem cọc bê tông đến trồng ranh trên diện tích đất được xã chia thì ông T tự ý nhổ bỏ. Năm 2019, ông thuê máy xới đất để canh tác, trồng keo thì ông T cùng vợ và bà Huỳnh Thị S về nhổ hết và còn tuyên bố trồng bao nhiêu ông cũng nhổ hết, kể từ đó đến nay đất xã chia cho ông bỏ hoang không canh tác được vì làm đâu ông T phá đó. Những sự việc trên ông đã làm đơn yêu cầu UBND xã giải quyết để ông có đất sản xuất, nhưng mỗi lần UBND xã mời đến để giải quyết thì ông T không hợp tác và có thái độ hách dịch xem thường mọi người, bỏ về và làm đơn khởi kiện. Kể từ ngày 26/8/2018 đến nay, ông đã bỏ ra một số chi phí để sản xuất tổng cộng là 4.730.000 đồng, chưa kể thiệt hại từ năm 2018 đến nay ông không canh tác, thu lợi được gì trên phần diện tích đất mà UBND xã đã chia cho ông, trong khi đó những hộ khác họ có đất yên tâm canh tác.

Ông nhận thấy việc ông Huỳnh Quang T tự ý trồng cây keo trên đất mà Công ty 706 giao lại cho UBND xã quản lý, trong khi UBND xã T1 không báo cho toàn dân không được trồng mà ông T tự ý trồng là trái quy định; UBND xã, địa chính xã T1 mời dân họp, giao đất, cũng như các lần họp giải quyết tranh chấp như vậy là hợp tình, hợp lý. Về giấy bán đất, chuyển nhượng tự nguyện những hộ gia đình: Bản thân ông tha thiết được UBND xã giao lại đất để sản xuất, không có việc mua bán, chuyển nhượng nhưng ông T lại nộp giấy bán đất

có tên ông. Đề nghị quý toà xem xét lại tính hợp pháp của giấy bán đất, chuyển nhượng giữa ông và ông T. Bởi vì sau nhiều lần UBND xã mời họp giải quyết hoà giải nhưng ông T không đồng ý và sau đó ông T có đến nhà ông thương lượng đổi thửa đất nơi khác cho ông, nhưng ông không đồng ý và ông nói xã chia đâu ông làm đấy, mình có quyền gì mà đổi. Nếu thực hiện giao dịch mua bán, chuyển nhượng sòng phẳng làm sao có việc ông T đến nhà ông thương lượng đổi thửa đất nơi khác cho ông. Đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

T Biên bản đối thoại ngày 25/4/2022 và tại phiên tòa, ông Trần N trình bày số tiền 4.730.000 đồng ông trình bày trong văn bản ngày 07/12/2021 là để cho Tòa án biết, ông không yêu cầu tổ chức, cá nhân nào bồi thường cho ông; ông cũng không yêu cầu Tòa án giải quyết tranh chấp giấy chuyển quyền sử dụng đất giữa ông và ông T trong vụ án này.

**T bản giải trình ngày 08/12/2021 và tại phiên tòa sơ thẩm ngày 10/6/2022, ông Nguyễn Tấn C trình bày:*

Vào năm 1970, ông có khai hoang một thửa đất đồi với diện tích khoảng 980m² tại núi C để trồng mì, mãi đến năm 1975 ông chuyển sang trồng cây bạch đàn. Sau khi UBND xã T1 giao đất cho Công ty 706 khai thác lấy đất làm vật liệu san lấp mặt bằng xong, UBND xã có thông báo cho dân không ai được tự ý canh tác trồng keo trên diện tích mà Công ty 706 giao lại cho UBND xã quản lý, bản thân ông chấp hành không trồng. Lúc đó, ông Huỳnh Quang T tự ý trồng keo hết diện tích không còn khoảng trống nào. Đến năm 2018, những người dân có đất rẫy khai hoang ở Núi Cẩm trong đời chia đất, thì UBND xã và Địa chính xã về chia cho dân, phần diện tích xã chia cho ông thì ông T đã trồng keo. Sau đó ông đem cọc bê tông đến trồng ranh trên diện tích đất được xã chia cho ông thì ông T tự ý nhổ bỏ. Năm 2019, ông thuê máy xới đất để canh tác, trồng keo thì ông T cùng vợ và bà Huỳnh Thị S về nhổ hết và còn tuyên bố trồng bao nhiêu ông cũng nhổ hết, kể từ đó đến nay đất xã chia cho ông bỏ hoang không canh tác được vì làm đâu ông T phá đó. Những sự việc trên ông đã làm đơn yêu cầu UBND xã giải quyết để ông có đất sản xuất, nhưng mỗi lần UBND xã mời đến để giải quyết thì ông T không hợp tác và có thái độ hách dịch xem thường mọi người, bỏ về và làm đơn khởi kiện. Kể từ ngày 26/8/2018 đến nay, ông đã bỏ ra một số chi phí để sản xuất tổng cộng là 5.350.000 đồng, chưa kể thiệt hại từ năm 2018 đến nay ông không canh tác, thu lợi được gì trên phần diện tích đất mà UBND xã đã chia cho ông, trong khi đó những hộ khác họ có đất yên tâm canh tác.

Ông nhận thấy việc ông Huỳnh Quang T tự ý trồng cây keo trên đất mà Công ty 706 giao lại cho UBND xã quản lý, trong khi UBND xã T1 thông báo cho toàn dân không được trồng mà ông tự ý trồng là trái quy định; UBND xã, địa chính xã T1 mời dân họp, giao đất, cũng như các lần họp giải quyết tranh

chấp như vậy là hợp tình, hợp lý; Giấy bán đất, chuyển nhượng tự nguyện những hộ gia đình: Bản thân ông tha thiết được UBND xã giao lại đất để sản xuất, không có chuyện mua bán chuyển nhượng gì ở đây cả, tại sao trong hồ sơ của Ông T lại có giấy bán đất có tên ông. Đề nghị Tòa án xem xét lại tính hợp pháp của giấy bán đất, chuyển nhượng giữa ông và ông T. Bởi vì sau nhiều lần UBND xã mời họp giải quyết hoà giải nhưng ông T không đồng ý và sau đó ông T còn giành lại đất của ông. Đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

T Biên bản đối thoại ngày 25/4/2022 và tại phiên tòa ngày 10/6/2022, ông Nguyễn Tấn C trình bày số tiền 5.350.000 đồng trình bày trong văn bản ngày 08/12/2021 là để cho Tòa án biết, ông không yêu cầu tổ chức, cá nhân nào bồi thường cho ông; ông cũng không yêu cầu Tòa án giải quyết tranh chấp giấy chuyển quyền sử dụng đất giữa ông và ông T trong vụ án này.

** T bản giải trình ngày 08/12/2021 và tại phiên tòa sơ thẩm, ông Nguyễn Hữu L trình bày:*

Trước đây, ông có khai hoang một thửa đất đồi tại Núi Cẩm với diện tích 860m² để trồng mì. Sau thời gian ông có chuyển sang trồng cây bạch đàn lâu năm; sau khi xã T1 giao đất cho công ty 706 khai thác lấy đất làm vật liệu san lấp mặt bằng xong, UBND xã T1 không báo cho dân không ai được tự ý canh tác trồng keo trên diện tích mà công ty 706 giao lại cho UBND xã quản lý. Bản thân ông chấp hành không trồng, lúc đó ông Huỳnh Quang T tự ý trồng keo hết diện tích không còn khoảng trống nào. Đến năm 2018, những người dân có đất rẫy khai hoang ở núi Cẩm trong đồi chia lại thì UBND xã và Địa chính xã về đo chia cho dân. Phần diện tích xã chia cho ông thì ông Huỳnh Quang T đã trồng keo, sau đó ông thương lượng để keo cho ông T thu hoạch xong trả lại mặt bằng với diện tích đất đó cho ông thì ông T giành số diện tích đất đó của ông.

Vừa qua UBND xã có cuộc họp hòa giải, tại UBND xã ông T có yêu cầu để cho ông T một nửa số diện tích trên của ông nhưng đổi đi chỗ khác. Ông không chấp nhận, cuộc hòa giải bất thành. Vậy kể từ năm 2018 đến nay, ông không canh tác thu lợi được gì trên phần diện tích đất mà UBND xã đã giao cho ông. Trong khi đó các hộ khác họ có đất yên tâm canh tác.

Việc ông Huỳnh Quang Thành tự ý trồng keo trên đất công ty 706 giao lại cho UBND xã quản lý. Khi đó UBND xã T1 không báo cho toàn dân không được trồng mà ông T tự ý trồng là trái quy định; Chủ tịch UBND xã T1, Địa chính xã mời dân họp giao đất cũng như các lần họp giải quyết tranh chấp như vậy là hợp tình, hợp lý. Về giấy bán đất chuyển nhượng tự nguyện của hộ gia đình, bản thân ông tha thiết được UBND xã giao đất sản xuất nên không có việc mua bán, chuyển nhượng nhưng ông Huỳnh Quang T lại có giấy bán đất có tên ông. Đề nghị Tòa án xem xét lại tính hợp pháp của giấy bán đất giữa ông và ông Huỳnh Quang T.

Đối với yêu cầu đề nghị Tòa án xem xét lại tính hợp pháp của giấy bán đất, chuyển nhượng giữa ông và ông T; tại phiên tòa, ông Nguyễn Hữu L thống nhất không yêu cầu Tòa án giải quyết tranh chấp giấy chuyển quyền sử dụng đất giữa ông và ông T trong vụ án này.

** T vẫn bản trình bày ý kiến ghi ngày 07/7/2022, ông Đỗ N trình bày:*

Vào năm 2018, UBND xã T1 họp nhân dân lấy ý kiến về việc chia lại đất Núi Cẩm sau khai thác. Tất cả những người tham gia họp đều thống nhất trên cơ sở diện tích đo vẽ trước khi khai thác để hỗ trợ tiền cây cối hoa màu trên đất, trừ đi diện tích làm đường đi (khách sạn Sơn Long- Núi cẩm) và trừ đi một phần diện tích mất đi do quá trình cải tạo độ cao của Núi; còn lại chia theo tỉ lệ diện tích đo vẽ trước khi khai thác (diện tích nhiều thì hao hụt nhiều, diện tích ít thì hao hụt ít); Phương án chia có lưu tại UBND xã; Hình thức chia nhân dân thống nhất lấy mốc từ phía dưới đường chia đuôi ra hướng Bắc hết khu phía dưới lên khu phía trên đường chia vô Nam. Như vậy, phần đất của ông được chia ở điểm cuối phía trên đường nằm ở vị trí mà trước đây ông trồng cây gây rừng theo chương trình PAM 4304 và diện tích trước đây cha mẹ ông khai hoang làm nhà ở (hiện nay nhà vẫn còn).

Ông Huỳnh Quang T khai diện tích đất của ông Huỳnh T T nằm trên phần đất của ông là không đúng; vì diện tích cũ khi chưa khai thác của ông T nằm ở cách xa phía dưới đường (khoảng cách của đường đi là 8 mét) chứ không phải ở phía trên phần đất của ông.

Việc Ông Huỳnh Quang T khai năm 2014 đất đã chia cho các hộ dân là không có cơ sở. Vì năm 2014 ông không nghe UBND xã có kế hoạch chia lại đất Núi Cẩm cho các hộ dân. Ông T khai trong phần đất xã chia cho ông là 1.557m² có một phần đất mà ông Huỳnh T T chuyển nhượng cho ông T năm 2013 là không đúng, việc chuyển nhượng như thế nào thì ông không rõ. Ông Trần N xác nhận cho ông là đất ông T không có trên vị trí đất của ông; hơn nữa ông và ông T đã đồng ý diện tích xã chia năm 2018, đã phân ranh cắm mốc rồi.

Năm 2018, ông Dương T Vũ - Cán bộ địa chính của UBND xã về đo chia đất, nhân dân đến nhận đất cắm mốc rất đông trong đó có ông, ông Huỳnh Quang T và vợ ông Nguyễn Ngọc A là bà Nguyễn Thị Kim Liên thoả thuận thống nhất chừa đường đi vào mảnh đất bà Nguyễn Thị Kim Kiên để thuận cho việc đi lại sản xuất nhưng không được trồng cây trên đường; tất cả đều đồng ý chôn mốc bằng trụ bê tông hiện giờ vẫn còn. Đến năm 2019, ông thu hoạch keo, thuê máy đào, xới trồng keo lại, đến nay cây keo được 2 năm tuổi mà các bên không có ý kiến gì. Việc ông Huỳnh Quang T cho rằng đất ông T nằm trên phần đất xã chia cho ông là không có cơ sở, đề nghị Tòa án xem xét.

** T biên bản làm việc ngày 12/7/2022 với ông Huỳnh Quang T, Nguyễn Hữu T, Huỳnh T T và tại phiên tòa ngày 10/6/2022 ông Huỳnh T T trình bày:*

Năm 2014, UBND xã T1 không chia đất cho dân như trình bày của ông Huỳnh Quang T, không có việc ông Trương Quang X đem kết quả đo đạc đến nhà các ông để ký xác nhận.

Vào ngày 04/3/2021, ông Huỳnh Quang T có đem đơn xác nhận xuống nhà ông Huỳnh T T nhờ ký xác nhận giùm, ông T có ký vào đơn nhưng không rõ nội gì, nay được Tòa án công khai nội dung Giấy xác nhận thì ông T thấy rằng Giấy xác nhận không đúng, năm 2014 UBND xã không chia đất.

Đối với Giấy bán đất chuyển nhượng tự nguyện của những hộ gia đình ghi ngày 06/5/2013, các ông không đồng ý, các ông không bán đất cho ông Huỳnh Quang T, nội dung giấy bán đất như thế nào các ông không biết.

** T biên bản làm việc ngày 12/7/2022 và tại phiên tòa ngày 10/6/2022, ông Nguyễn Ngọc A trình bày:*

Ông xác định UBND xã T1 có đo đạc, cắm mốc chia đất cho ông và các hộ dân khác, ông Trương Quang X có đem kết quả đo đạc đến nhà để ông ký xác nhận nhưng ông không nhớ thời gian nào ông X đem kết quả đo đạc cho ông ký vì ông thường xuyên đi làm ăn xa, không có mặt tại địa phương, ông nhớ chỉ có một lần UBND xã đo đạc cắm mốc chia đất cho dân.

Vào ngày 04/3/2021, ông Huỳnh Quang T có đem đơn xác nhận xuống nhà nhờ ông ký xác nhận giùm, ông có ký vào đơn nhưng không rõ nội gì, nay được Tòa án công khai nội dung Giấy xác nhận thì ông thấy rằng Giấy xác nhận không đúng thực tế. Ông không chuyển nhượng đất cho ông T và không liên quan gì đến yêu cầu khởi kiện của ông T.

** Ý kiến của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Chủ tịch UBND thành phố Q:* Đề nghị Hội đồng xét xử bác yêu cầu khởi kiện của ông Huỳnh Quang T về việc yêu cầu hủy Quyết định số 949/QĐ-UBND ngày 15/3/2021 của Chủ tịch UBND thành phố về việc giải quyết khiếu nại lần hai của ông Huỳnh Quang T.

Với nội dung trên,

T Bản án hành chính sơ thẩm số: 24/2022/HC-ST ngày 08/8/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi đã quyết định:

Căn cứ Điều 7, khoản 1 Điều 30; khoản 4 Điều 32; khoản 1 Điều 115; khoản 1, điểm a khoản 2 Điều 116; điểm a khoản 2 Điều 193; Điều 348, Điều 358 Luật Tổ tụng hành chính; Điều 8, Điều 164 Luật Đất đai 2013; các Điều 27, 29, 30, 31, 36, 38, 39, 40 Luật Khiếu nại năm 2011; khoản 1 Điều 32 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Huỳnh Quang T về việc yêu cầu Tòa giải quyết:

- Tuyên bố hành vi hành chính của Ủy ban nhân dân xã T1 ngày 28/6/2018 về việc tiến hành đo đạc, cắm lại mốc giới đất để bàn giao cho các hộ dân sử dụng đất tại núi C, bao gồm cả diện tích đất gia đình ông Huỳnh Quang T đã khai hoang từ sau năm 1975 và diện tích đất ông Huỳnh Quang T nhận chuyển nhượng của các hộ dân năm 2013 là trái pháp luật.

- Hủy Quyết định số 104/QĐ-UBND ngày 08/6/2020 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã T1 về việc giải quyết khiếu nại của ông Huỳnh Quang T, thường trú tại thôn H, xã T1, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi.

- Hủy Quyết định số 949/QĐ-UBND ngày 15/3/2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Q về việc giải quyết khiếu nại lần hai của ông Huỳnh Quang T (địa chỉ: Đội 4, thôn H, xã T1, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi).

- Buộc Ủy ban nhân dân xã T1 phải bồi thường thiệt hại cho ông Huỳnh Quang T số tiền 153.000.000 đ (Một trăm năm mươi ba triệu đồng) do hành vi hành chính trái pháp luật gây ra ngày 28/6/2018.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ, án phí, các chi phí tố tụng và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 18/8/2022, Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi nhận đơn kháng cáo của ông Huỳnh Quang T kháng cáo bản án sơ thẩm, với nội dung: Đề nghị sửa Bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Huỳnh Quang T.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Người khởi kiện và là người kháng cáo giữ nguyên yêu cầu kháng cáo và đề nghị Tòa án phúc thẩm sửa Bản án sơ thẩm chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện.

Người bị kiện Chủ tịch UBND và UBND xã T1 đề nghị không chấp nhận kháng cáo của người khởi kiện giữ nguyên quyết định Bản án sơ thẩm.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho Chủ tịch UBND thành phố Q đề nghị bác kháng cáo của người khởi kiện giữ nguyên quyết định sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng có ý kiến: Bản án sơ thẩm xét xử và quyết định là có căn cứ, đề nghị bác kháng cáo của người khởi kiện ông Huỳnh Quang T giữ nguyên quyết định của Bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Tại phiên tòa mở lần thứ hai, ông Nguyễn Lâm là người đại diện theo ủy quyền của Chủ tịch UBND thành phố Q có đơn xét xử vắng mặt, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan gồm: Huỳnh C, Nguyễn D, Nguyễn Tấn C, Nguyễn Hữu T, Nguyễn T Đ, Nguyễn Ngọc A, Huỳnh T T đều vắng mặt. Căn cứ vào Điều 225 của Luật Tố tụng hành chính, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt đối với những người trên.

[2] Xét yêu cầu kháng cáo của ông Huỳnh Quang T:

[2.1] Xét hành vi hành chính của UBND xã T1 về việc tiến hành đo đạc, cắm lại mốc giới đất để bàn giao cho các hộ dân sử dụng đất tại núi C vào ngày ngày 28/6/2018:

[2.1.1] Về nguồn gốc và quá trình sử dụng đất của gia đình ông Huỳnh Quang T: Theo hồ sơ đăng ký theo Chỉ thị 299/TTg, diện tích đất ông Huỳnh Quang T khiếu nại thuộc một phần thửa đất số 1085, tờ bản đồ số 20 diện tích 35.000m², loại đất RTG, do UBND xã T1 quản lý; Hồ sơ thực hiện Nghị định 64-CP biến động thành thửa đất số 355, tờ bản đồ số 11, diện tích 134.688m² do UBND xã T1 quản lý. Ông Huỳnh K (cha ông Huỳnh Quang T) có khai hoang, sử dụng đất cùng các hộ dân: Trần N, Nguyễn Hữu L, Huỳnh Quang T, Nguyễn Tấn C, Nguyễn D...tại đồi núi C (Gò Chùa) và sử dụng trước năm 1975, đất chưa được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Năm 2009, Công ty Cổ phần đầu tư khoáng sản Quảng Ngãi được UBND tỉnh Quảng Ngãi cho phép khai thác đất đồi làm vật liệu san lấp tại xã T1, huyện S (nay là thành phố Q), khu vực khai thác tại núi C thuộc địa phận thôn H, xã T1 theo Quyết định số 1662/QĐ-UBND ngày 26/10/2009 của UBND tỉnh Quảng Ngãi. Công ty Cổ phần đầu tư khoáng sản Quảng Ngãi phối hợp với UBND xã T1 mời các hộ dân có đất, tiến hành đo đạc, xác định diện tích đất đang sử dụng của từng hộ, lập phương án kiểm kê, hỗ trợ cho các hộ dân đang sản xuất trên đồi núi C. Theo bảng vẽ đo đạc và bảng tổng hợp mức hỗ trợ đất đai, cây cối, hoa màu của từng chủ sử dụng đất để thực hiện dự án khai thác đất núi S - Núi Cẩm, địa điểm xã T1 thể hiện ông Huỳnh K quản lý, sử dụng 02 thửa đất với tổng diện tích 795,5m², loại đất LNK (gồm thửa số 5, diện tích 169m² và thửa số 6, diện tích 625,5m², cùng tờ bản đồ số 11) được nhận hỗ trợ về đất và cây cối, hoa màu với tổng số tiền 2.276.800 đồng. Năm 2013, Công ty khai thác xong, năm 2014 một số hộ dân đem cây keo lên trồng tại vị trí đất của các hộ, trong đó ông Huỳnh Quang T đem cây keo lên trồng trên vị trí đất của cha ông là ông Huỳnh K.

[2.1.2] Ngày 12/11/2013, ông Huỳnh K ủy quyền cho con trai là ông Huỳnh Quang T toàn quyền nhận giải quyết đất sau khi khai thác đất đồi tại núi C thuộc thôn H, được UBND xã T1 xác nhận vào ngày 14/11/2013. Ngày 26/11/2013, ông Huỳnh Quang T có đơn kiến nghị trả lại diện tích đất đồi của gia đình ông, Chủ tịch UBND xã T1 ban hành Công văn số 89/UBND ngày

14/10/2014 trả lời đơn. Ngày 20/10/2014, ông Huỳnh Quang T tiếp tục có đơn khiếu nại, ngày 31/10/2014, UBND xã T1 tiến hành làm việc với các hộ dân trồng cây trên đất do nhà nước quản lý ở núi C và núi S; ngày 04/11/2014, UBND xã ban hành Thông báo số 94/TB-UBND xác định diện tích đất tại núi C và núi S là đất do UBND xã quản lý, chưa giao cho hộ gia đình, cá nhân và yêu cầu các hộ gia đình, cá nhân có trách nhiệm thu dọn giao lại đất cho UBND xã quản lý. Ngày 14/11/2014, ông Huỳnh K có đơn gửi đến Chủ tịch UBND xã T1 khiếu nại đối với Thông báo số 94/TB-UBND ngày 04/11/2014 của UBND xã T1 và ngày 20/11/2014, ông Huỳnh Quang T có đơn gửi UBND thành phố khiếu nại việc UBND xã T1 chưa trả lại đất sản xuất tại đồi núi C cho gia đình ông, UBND xã T1 giải quyết tại Công văn số 4033/UBND ngày 28/11/2014.

[2.1.3] Ngày 29/3/2018 và ngày 24/5/2018, UBND xã T1 tổ chức cuộc họp mời các hộ dân có đất núi C. T các cuộc họp, UBND xã kết luận thống nhất chia lại đất cho nhân dân sản xuất, khi chia thì diện tích đất có thể tăng hoặc thấp hơn diện tích ban đầu và vị trí thửa đất cũng có thể thay đổi và giao cho bộ phận địa chính xã T1ham mưu đo đạc lại diện tích đồi núi C và có kế hoạch chia đất lại cho nhân dân sản xuất. Ngày 28/6/2018, UBND xã mời các hộ dân có đất tại núi C đến nhận mặt bằng, tiến hành đo đạc và nhận mốc giới trong đó có đất ông Huỳnh K (cha của ông Huỳnh Quang T). Theo bản vẽ chia đất cho hộ gia đình, cá nhân ngoài thực địa năm 2018 do UBND xã T1 lập (bút lục 119) thì ông Huỳnh K (cha của ông Huỳnh Quang T) trước đây sử dụng 02 thửa đất tại núi C tổng diện tích $795,5m^2$ nay chia lại cho gia đình ông $765m^2$, diện tích chênh lệch giảm $30,5m^2$. Theo ông Huỳnh Quang T, đối với diện tích đất gia đình ông được chia lại giảm $30,5m^2$, tại Biên bản đối thoại với Chủ tịch UBND thành phố Q ngày 04/3/2021, ông Huỳnh Quang T thống nhất, không có ý kiến gì (bút lục 151).

[2.1.4] Đối với phần diện tích đất ông Huỳnh Quang T khai nhận chuyển nhượng vào năm 2013: Giấy bán đất ngày 06/5/2013 giữa ông Huỳnh Quang T và 09 hộ dân không thể hiện nội dung chuyển nhượng quyền sử dụng đất mà là bán “mặt bằng đất”; giấy bán đất cũng không xác định vị trí, ranh giới, số thửa đất, diện tích đất và giá tiền chuyển nhượng đất; giấy bán đất không được cơ quan có thẩm quyền công chứng, chứng thực theo quy định của pháp luật; tại thời điểm năm 2013, những người có tên trong giấy bán đất chưa được Nhà nước công nhận quyền sử dụng đất. Mặt khác, trong quá trình giải quyết vụ án; các ông Huỳnh C, Trần N, Nguyễn Tấn C, Nguyễn Hữu L, Huỳnh Quang T, Nguyễn Hữu T, Huỳnh T T đều không thừa nhận việc chuyển nhượng đất cho ông Huỳnh Quang T vào ngày 06/5/2013. Do đó, ông Huỳnh Quang T cho rằng khi UBND xã T1 thực hiện việc đo đạc, cắm mốc để chia lại đất cho dân vào ngày 28/6/2013, đã bao gồm cả phần diện tích ông chuyển nhượng của 09 hộ dân vào năm 2013 là không có căn cứ. Ông T cho rằng năm 2014, UBND xã T1 thực hiện việc đo đạc, cắm mốc chia đất cho ông và các hộ dân sau khi UBND

thành phố Q có Công văn số 4033/UBND là không phù hợp.

[2.1.5] Việc ông Huỳnh Quang T cho rằng vào ngày 28/6/2018, UBND xã T1 đã hợp thức hóa giấy tờ cả phần diện tích đất gia đình ông đã khai hoang từ sau năm 1975 và diện tích đất ông nhận chuyển nhượng của các hộ dân vào ngày 06/5/2013; được UBND xã đo đạc, chia lại cho ông quản lý, sử dụng vào năm 2014 để đo đạc, chia lại đất cho các hộ dân khác là không có căn cứ. Do đó, ông Huỳnh Quang T yêu cầu tuyên bố hành vi hành chính của UBND xã T1 ngày 28/6/2018, tiến hành đo đạc, cắm lại mốc giới đất để bàn giao cho các hộ dân sử dụng đất tại núi C, bao gồm cả diện tích đất gia đình ông Huỳnh Quang T đã khai hoang từ sau năm 1975 và diện tích đất ông nhận chuyển nhượng của các hộ dân năm 2013 trái pháp luật là không có cơ sở chấp nhận.

[2.2] Xét Quyết định số 104/QĐ-UBND ngày 08/6/2020 của Chủ tịch UBND xã T1 về việc giải quyết khiếu nại của ông Huỳnh Quang T và Quyết định số 949/QĐ-UBND ngày 15/3/2021 của Chủ tịch UBND thành phố Q về việc giải quyết khiếu nại lần 2 của ông Huỳnh Quang T:

[2.2.1] Sau khi UBND xã T1 chia lại đất cho các hộ dân sản xuất vào ngày 28/6/2018, ông Huỳnh Quang T không đồng ý và có đơn khiếu nại UBND xã T1 có Văn bản số 134/UBND ngày 19/11/2018 nhưng ông không đồng ý với việc trả lời đơn của UBND xã T1. Ông Huỳnh Quang T liên tục có đơn khiếu nại gửi đến UBND thành phố, Chủ tịch UBND thành phố ban hành các Công văn số: 5255/UBND-TCĐ ngày 01/10/2019 (chỉ đạo giải quyết đơn ngày 23/9/2019); số 5247/TB-UBND ngày 08/11/2019 (chỉ đạo giải quyết nội dung đăng ký tiếp công dân ngày 05/11/2019); số 449/UBND-TCĐ ngày 12/02/2020 (chỉ đạo giải quyết đơn ngày 03/02/2020) yêu cầu UBND xã T1 xem xét giải quyết theo quy định. Chủ tịch UBND xã T1 ban hành Quyết định số 40/QĐ-UBND ngày 10/3/2020 về việc thành lập tổ xác minh nguồn gốc, quá trình sử dụng đất tại núi C chia lại cho các hộ dân để giải quyết theo nội dung đơn khiếu nại đề ngày 03/02/2020 của ông Huỳnh Quang T. Căn cứ kết quả xác minh tại Báo cáo số 46/BC-UBND ngày 02/6/2020 của Tổ xác minh và kết quả đối thoại với ông Huỳnh Quang T vào ngày 04/6/2020, Chủ tịch UBND xã T1 ban hành Quyết định số 104/QĐ UBND ngày 08/6/2020 giải quyết khiếu nại là đúng trình tự, thủ tục và thẩm quyền theo quy định tại các Điều 27, 29, 30 và Điều 31 Luật Khiếu nại năm 2011; các Điều 7, 10, 18, 21 và Điều 22 Thông tư số 07/2013/TT-TTCT ngày 31/10/2013 của T tra Chính phủ; Điều 1 Thông tư số 02/2016/TT-TTCT ngày 20/10/2016 của T tra Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 07/2013/TT-TTCT ngày 31/10/2013.

[2.2.2] Chủ tịch UBND thành phố Q ban hành Quyết định giải quyết nại lần 2 số 949/QĐ-UBND ngày 15/3/2021 là đúng trình tự, thủ tục, thẩm quyền được quy định tại các Điều 36, 38, 39, 40 Luật Khiếu nại năm 2011; các Điều 7, 10, 18, 21 và Điều 22 Thông tư số 07/2013/TT-TTCT ngày 31/10/2013 của T tra

Chính phủ; Điều 1 Thông tư số 02/2016/TT-TTCP ngày 20/10/2016 của T tra Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 07/2013/TT-TTCP ngày 31/10/2013. Chủ tịch UBND xã T1 ban hành Quyết định số 104/QĐ-UBND ngày 04/6/2020 và Chủ tịch UBND thành phố Q ban hành Quyết định giải quyết nại (lần 2) số 949/QĐ-UBND ngày 15/3/2021 không công nhận toàn bộ nội dung khiếu nại của ông Huỳnh Quang T là có căn cứ.

[2.3] Xét yêu cầu của ông Huỳnh Quang T buộc UBND xã T1 phải bồi thường thiệt hại cho ông do hành vi hành chính ngày 28/6/2018 gây ra số tiền 153.000.000 đồng (*một trăm năm mươi ba triệu đồng*):

Ông Huỳnh Quang T không có tài liệu, giấy tờ chứng minh các thiệt hại mà mình yêu cầu bồi thường nên Tòa án sơ thẩm đã bác yêu cầu của ông Huỳnh Quang T về việc buộc UBND xã T1 phải bồi thường thiệt hại cho ông số tiền 153.000.000 đồng do hành vi hành chính gây ra vào ngày 28/6/2018 là có căn cứ.

[3] Từ những nhận định trên thấy, Tòa án sơ thẩm đã bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Huỳnh Quang T là có căn cứ và đúng pháp luật; ông Huỳnh Quang T kháng cáo nhưng tại cấp phúc thẩm Ông không cung cấp thêm được chứng cứ nào mới khác; do đó Hội đồng xét xử xét bác yêu cầu kháng cáo của ông Huỳnh Quang T, giữ nguyên quyết định của Bản án sơ thẩm.

[4] Các phần khác của Bản án hành chính sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[5] Về án phí: Ông Huỳnh Quang T phải chịu án phí hành chính sơ thẩm và án phí hành chính phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật tổ tụng hành chính;

Căn cứ khoản 1 Điều 32 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Bác kháng cáo của ông Huỳnh Quang T và giữ nguyên quyết định của Bản án hành chính sơ thẩm.

Tuyên xử:

1. Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Huỳnh Quang T về việc yêu cầu Tòa giải quyết:

- Tuyên bố hành vi hành chính của Ủy ban nhân dân xã T1 ngày 28/6/2018 về việc tiến hành đo đạc, cắm lại mốc giới đất để bàn giao cho các hộ dân sử dụng đất tại núi C, bao gồm cả diện tích đất gia đình ông Huỳnh Quang T đã khai hoang từ sau năm 1975 và diện tích đất ông Huỳnh Quang T nhận chuyển nhượng của các hộ dân năm 2013 là trái pháp luật.

- Hủy Quyết định số 104/QĐ-UBND ngày 08/6/2020 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã T1 về việc giải quyết khiếu nại của ông Huỳnh Quang T, thường trú tại thôn H, xã T1, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi.

- Hủy Quyết định số 949/QĐ-UBND ngày 15/3/2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Q về việc giải quyết khiếu nại lần hai của ông Huỳnh Quang T (địa chỉ: Đội 4, thôn H, xã T1, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi).

- Buộc Ủy ban nhân dân xã T1 phải bồi thường thiệt hại cho ông Huỳnh Quang T số tiền: 153.000.000 đ (Một trăm năm mươi ba triệu đồng) do hành vi hành chính trái pháp luật gây ra ngày 28/6/2018.

2. Các phần khác của Bản án hành chính sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

3. Án phí hành chính: Ông Huỳnh Quang T phải chịu án phí hành chính sơ thẩm số tiền: 300.000 đồng, được khấu trừ tại Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0000671 ngày 18/11/2021 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Ngãi.

Ông Huỳnh Quang T phải chịu án phí hành chính phúc thẩm số tiền: 300.000 đồng, được khấu trừ tại Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số: 0004013 ngày 04/10/2022 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Ngãi.

Ông Huỳnh Quang T đã nộp đủ án phí hành chính sơ thẩm và phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSNDCC tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND tỉnh Quảng Ngãi;;
- Cục THADS tỉnh Quảng Ngãi;;
- Đường sự;
- Lưu Văn phòng, hồ sơ vụ án (ĐTT).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Trương Minh Tuấn